



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đầu tư số 271110000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ giấy chứng nhận đầu tư ban đầu.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số** 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006
2703001077 ngày 26 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2703001077 ngày 26 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch
	Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
	Ông Cao Thanh Bích	Thành viên
	Ông Võ Hải Thanh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thanh Thùy	Trưởng ban Kiểm soát
	Bà Hoàng Thanh Vân	Thành viên
	Ông Đặng Hải Hà	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Võ Hải Thanh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc
	Ông Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký
Khôi 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Vũ Hải Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công tác soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2018 và báo cáo soát xét ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 18-01-315-HY



Hà Văn Định
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghi
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		159.596.957.503	125.010.181.918
Tiền	110	6	11.936.762.453	14.826.986.462
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.712.490.236	33.333.643.371
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.891.528.849	30.086.771.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.375.932.698	1.924.757.582
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.445.028.689	1.322.114.789
Hàng tồn kho	140	8	99.925.873.984	75.074.714.165
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.021.830.830	1.774.837.920
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.018.610.186	1.774.837.920
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.220.644	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		670.402.049.550	699.882.503.791
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		652.849.839.346	683.856.444.289
Tài sản cố định hữu hình	221	9	652.849.839.346	683.856.444.289
Nguyên giá	222		1.261.498.132.258	1.254.381.678.445
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(608.648.292.912)	(570.525.234.156)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		91.650.000	91.650.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.650.000)	(91.650.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		562.500.000	562.500.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242		562.500.000	562.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.959.710.204	15.433.559.502
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	16.959.710.204	15.433.559.502
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		829.999.007.053	824.892.685.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		358.939.682.081	328.569.154.288
Nợ ngắn hạn	310		358.619.682.081	328.249.154.288
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	8.680.495.572	7.832.585.020
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	84.059.695.648	80.027.996.224
Phải trả người lao động	314		3.273.436.975	3.841.950.442
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	7.922.870.066	7.186.119.031
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	39.294.297.687	5.147.210.369
Vay ngắn hạn	320	15	213.972.596.546	213.709.924.414
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	16	1.416.289.587	10.503.368.788
Nợ dài hạn	330		320.000.000	320.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		320.000.000	320.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		471.059.324.972	496.323.531.421
Vốn chủ sở hữu	410	17	471.059.324.972	496.323.531.421
Vốn cổ phần	411	18	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	6.516.196.015	6.516.196.015
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	858.459.056
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.543.128.957	38.948.876.350
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.961.638.858	3.017.588.032
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.581.490.099	35.931.288.318
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		829.999.007.053	824.892.685.709

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Hải Thanh
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	411.525.049.135	417.938.185.963
Giá vốn hàng bán	11	23	378.048.724.116	378.763.704.576
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		33.476.325.019	39.174.481.387
Doanh thu hoạt động tài chính	21		21.968.309	874.179.991
Chi phí tài chính	22	24	5.854.643.259	6.770.997.886
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.850.532.068	6.739.129.250
Chi phí bán hàng	25		536.472.605	581.478.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	9.665.272.884	11.337.462.953
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		17.441.904.580	21.358.722.023
Thu nhập khác	31		306.030.447	293.081.236
Chi phí khác	32		71.072.404	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		234.958.043	293.081.236
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.676.862.623	21.651.803.259
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.535.372.524	4.495.666.632
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.141.490.099	17.156.136.627
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	257	381

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:

(Chữ ký)
 Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng



Người duyệt:

(Chữ ký)
 Võ Hải Thanh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	17.676.862.623	21.651.803.259
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	38.123.058.756	37.552.340.087
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.968.309)	(874.179.991)
Chi phí lãi vay	06	5.850.532.068	6.739.129.250
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	61.628.485.138	65.069.092.605
Biến động các khoản phải thu	09	(11.267.067.509)	17.116.881.792
Biến động hàng tồn kho	10	(24.851.159.819)	12.009.637.603
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	5.752.194.845	(59.772.793.585)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.769.922.968)	1.718.063.960
		28.492.529.687	36.140.882.375
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.854.805.447)	(6.702.895.699)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.185.313.624)	(3.074.835.525)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.492.775.749)	(10.163.826.290)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.959.634.867	16.199.324.861
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(7.231.453.813)	(5.791.946.158)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	21.968.309	644.542.490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.209.485.504)	(5.147.403.668)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2018	30/6/2017
Mã số	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH


Tiền thu từ đi vay	33	417.988.196.895	401.229.731.110
Tiền trả nợ gốc vay	34	(417.725.524.763)	(441.704.295.966)
Tiền trả cổ tức	36	(1.903.045.504)	(162.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.640.373.372)	(40.637.064.856)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.890.224.009)	(29.585.143.663)
Tiền đầu kỳ	60	14.826.986.462	104.149.314.987
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)	70	11.936.762.453	74.564.171.324

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Hải Thanh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 210 nhân viên (1/1/2018: 209 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 199 tỷ VND (1/1/2018: 203 tỷ VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	6 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia và hoạt động khác. Hoạt động khác bao gồm kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	377.398.230	476.503.230
Tiền gửi ngân hàng	11.559.364.223	14.350.483.232
	11.936.762.453	14.826.986.462

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	36.014.357.929	28.545.202.840
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Saco Đại Thành	4.877.170.920	1.530.515.360
Các khách hàng khác	-	11.052.800
	40.891.528.849	30.086.771.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	36.014.357.929	28.545.202.840

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi đường	15.379.064.744	-	-	-
Nguyên vật liệu	54.603.915.297	-	38.292.856.011	-
Công cụ và dụng cụ	107.398.775	-	227.896.363	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.420.051.649	-	21.281.332.116	-
Thành phẩm	5.415.443.519	-	15.272.629.675	-
	99.925.873.984	-	75.074.714.165	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	217.215.084.841	1.021.438.227.517	7.122.541.526	7.012.582.054	1.593.242.507	1.254.381.678.445
Tăng trong kỳ	1.100.050.908	3.723.100.000	-	2.143.259.723	-	6.966.410.631
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	150.043.182	-	150.043.182
Số dư cuối kỳ	218.315.135.749	1.025.161.327.517	7.122.541.526	9.305.884.959	1.593.242.507	1.261.498.132.258
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	47.197.564.387	510.815.477.774	6.774.056.736	4.692.162.883	1.045.972.376	570.525.234.156
Khấu hao trong kỳ	5.122.715.413	32.238.256.195	87.121.200	542.195.746	132.770.202	38.123.058.756
Số dư cuối kỳ	52.320.279.800	543.053.733.969	6.861.177.936	5.234.358.629	1.178.742.578	608.648.292.912
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	170.017.520.454	510.622.749.743	348.484.790	2.320.419.171	547.270.131	683.856.444.289
Số dư cuối kỳ	165.994.855.949	482.107.593.548	261.363.590	4.071.526.330	414.499.929	652.849.839.346

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản cố định hữu hình giá 9.390 triệu VND (1/1/2018: 9.040 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	14.990.627.124	347.700.229	95.232.149	15.433.559.502
Tăng trong kỳ	5.741.055.000	314.989.545	109.683.334	6.165.727.879
Phân bổ trong kỳ	(4.388.507.576)	(188.264.723)	(62.804.878)	(4.639.577.177)
Số dư cuối kỳ	16.343.174.548	474.425.051	142.110.605	16.959.710.204

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	1.914.473.550	-
Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	1.650.418.586	2.232.697.824
Các nhà cung cấp khác	5.115.603.436	5.599.887.196
	8.680.495.572	7.832.585.020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	1.914.473.550	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	73.315.000	73.315.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	21.200.300	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	226.425.919
	-	-

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018	Số phát sinh	Số đã nộp/ cán trừ	Chuyển sang	30/6/2018
	VND	trong kỳ	trong kỳ	thuế phải thu	VND
		VND	VND	VND	VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	66.894.971.555	379.489.431.418	(374.592.674.338)	-	71.791.728.635
Thuế giá trị gia tăng	8.720.286.388	79.496.405.891	(79.484.097.790)	-	8.732.594.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.185.313.624	3.535.372.524	(4.185.313.624)	-	3.535.372.524
Thuế thu nhập cá nhân	227.424.657	900.312.870	(1.130.958.171)	3.220.644	-
	80.027.996.224	463.421.522.703	(459.393.043.923)	3.220.644	84.059.695.648

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.479.630.862	4.483.904.241
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	641.775.612	604.111.498
Chi phí bảo trì	164.318.182	330.221.818
Các khoản trích trước khác	2.637.145.410	1.767.881.474
	<hr/>	<hr/>
	7.922.870.066	7.186.119.031
	<hr/>	<hr/>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải trả	38.843.463.682	4.746.509.186
Kinh phí công đoàn	234.927.305	102.437.283
Phải trả ngắn hạn khác	215.906.700	298.263.900
	<hr/>	<hr/>
	39.294.297.687	5.147.210.369
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2018	Biến động trong kỳ		30/06/2018
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	213.709.924.414	417.988.196.895	417.725.524.763	213.972.596.546

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND	5,2% - 5,5%	213.972.596.546	213.709.924.414

(*) Khoản vay từ ngân hàng với hạn mức 400 tỷ VND và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 652.850 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2017: 683.856 triệu VND) (Thuyết minh 9) và quyền sử dụng đất số AI189767 ngày 22 tháng 5 năm 2009.

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/06/2017 VND
Số dư đầu kỳ	10.503.368.788	9.088.944.789
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 17)	2.547.237.492	195.979.748
Sử dụng trong kỳ	(11.634.316.693)	(9.281.259.694)
Số dư cuối kỳ	1.416.289.587	3.664.843

Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	450.000.000.000	6.516.196.015	1.037.546.344	57.058.588.032	514.612.330.391
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	17.156.136.627	17.156.136.627
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(154.979.748)	(41.000.000)	(195.979.748)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(882.566.596)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	450.000.000.000	6.516.196.015	-	74.173.724.659	530.689.920.674
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	31.163.493.638	31.163.493.638
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(11.388.341.947)	(11.388.341.947)
Trích quỹ khác	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(141.540.944)	-	(141.540.944)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	450.000.000.000	6.516.196.015	858.459.056	38.948.876.350	496.323.531.421
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	14.141.490.099	14.141.490.099
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(2.547.237.492)	(2.547.237.492)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(858.459.056)	-	(858.459.056)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	450.000.000.000	6.516.196.015	-	14.543.128.957	471.059.324.972

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 6 năm 2018, Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty đã quyết định công bố khoản cổ tức cho các cổ đông là 36 tỷ VND (tương đương 800 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 54 tỷ VND, tương đương 1.200 VND/cổ phiếu).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/06/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	857.528.064	857.528.064
Từ hai đến năm năm	3.430.112.256	4.287.640.320
Sau năm năm	30.656.628.288	30.871.010.304
	34.944.268.608	36.016.178.688

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng doanh thu	409.106.030.808	414.662.953.820
▪ Bán thành phẩm	788.590.666.890	764.165.701.800
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>	(379.484.636.082)	(349.502.747.980)
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	2.419.018.327	3.275.232.143
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>		
▪ Doanh thu khác	2.419.018.327	3.275.232.143
	411.525.049.135	417.938.185.963

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	370.415.704.170	372.990.354.432
▪ Khác	7.633.019.946	5.773.350.144
	<hr/>	<hr/>
	378.048.724.116	378.763.704.576

24. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.850.532.068	6.739.129.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.111.191	31.868.636
	<hr/>	<hr/>
	5.854.643.259	6.770.997.886

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.336.061.447	4.316.900.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.938.821.323	2.089.437.111
Thuế và lệ phí	431.764.000	431.764.000
Chi phí khấu hao	364.820.578	388.101.185
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	108.914.885	103.107.000
Chi phí khác	2.484.890.651	4.008.153.079
	<hr/>	<hr/>
	9.665.272.884	11.337.462.953

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	295.535.560.113	294.461.258.299
Chi phí khấu hao	38.123.058.756	37.552.340.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.147.937.820	29.520.001.669
Chi phí nhân công	15.303.288.311	14.850.929.625
Chi phí khác	7.422.157.982	3.926.476.070

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.535.372.524	4.330.360.652
Dự phòng thiếu của năm trước	-	165.305.980
	3.535.372.524	4.495.666.632

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.676.862.623	21.651.803.259
Thuế theo thuế suất của Công ty	3.535.372.524	4.330.360.652
Dự phòng thiếu của năm trước	-	165.305.980
	3.535.372.524	4.495.666.632

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	14.141.490.099	17.156.136.627
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.560.000.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	11.581.490.099	17.156.136.627

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 2017. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	787.364.910.090	767.440.933.943
Mua nguyên vật liệu	291.396.851.657	251.826.810.817
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua vỏ chai	5.061.600.000	3.756.149.760
Phí sử dụng vỏ chai	1.312.500.000	1.208.500.002
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	458.800.000	395.250.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ Mua hàng hóa	610.947.051	684.272.600
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco Phí dịch vụ tư vấn quản lý	195.628.182	-
Nhân sự quản lý chủ chốt Lương và thưởng	894.000.000	436.400.000

30. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng của Công ty tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Hồ Hải Thanh
 Giám đốc



